

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 68/QĐ-ĐHKTQD ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	KINH TẾ HỌC BẰNG TIẾNG ANH ECONOMICS (CONDUCTED IN ENGLISH - E-PhD)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	TIẾN SĨ (DOCTOR OF PHILOSOPHY)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KINH TẾ HỌC (ECONOMICS)
MÃ NGÀNH (CODE):	9310101
ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO (EDUCATION PERSPECTIVE):	NGHIÊN CỨU (PHILOSOPHY)
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL-TIME)
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO (LANGUAGE):	TIẾNG ANH (ENGLISH)
THỜI GIAN ĐÀO TẠO TIÊU CHUẨN (STANDARD DURATION TIME):	4 NĂM (4 YEARS)
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN (MANAGED BY):	BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ BẰNG TIẾNG ANH (E-PHD PROGRAM MANAGERIAL COMMITTEE)
QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM MANAGER):	TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH (VIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ THƯỜNG TRỰC) (CHAIRMAN OF THE E-PHD PROGRAM MANAGERIAL COMMITTEE)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế bằng Tiếng Anh nhằm đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, để phát triển tri thức và giải quyết những vấn đề mới, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và khoa học xã hội liên quan.

Sau khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh có thể trở thành (i) Giảng viên, nhà nghiên cứu khoa học trình độ cao trong lĩnh vực kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong nước và quốc tế; (ii) Lãnh đạo hoặc chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách kinh tế cho các tổ chức ở cả khu vực công và tư nhân. Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ sau tiến sĩ ở trong hoặc ngoài nước.

2. CHUẨN ĐẦU RA

PLO	Mã PLO	Mô tả
Kiến thức	PLO1.1	Phân tích được một cách hệ thống các lý thuyết nền tảng và các trường phái nghiên cứu trên cơ sở các kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực kinh tế
	PLO1.2	Đánh giá được các nghiên cứu đương đại và tìm ra khoảng trống nghiên cứu trên cơ sở các kiến thức cốt lõi và nền tảng trong lĩnh vực kinh tế
	PLO1.3	Đánh giá được các phương pháp nghiên cứu khoa học và hệ thống các công cụ, kỹ thuật nghiên cứu đặc trưng trên cơ sở các kiến thức trong lĩnh vực kinh tế
	PLO1.4	Tổ chức được hoạt động nghiên cứu trên cơ sở các kiến thức trong lĩnh vực kinh tế
Kỹ năng	PLO2.1	Xây dựng được khung (mô hình) nghiên cứu, mang lại đóng góp mới về lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế
	PLO2.2	Tổ chức thu thập, khai thác được các nguồn tài liệu học thuật và dữ liệu phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế
	PLO2.3	Đánh giá được các nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế trên cơ sở các kỹ năng về tổng quan nghiên cứu
	PLO2.4	Phân tích được dữ liệu bằng các công cụ, phương pháp khoa học và giải thích được kết quả nghiên cứu
	PLO2.5	Công bố được kết quả nghiên cứu trên tạp chí thuộc danh mục WOS/SCOPUS trong lĩnh vực kinh tế
	PLO2.6	Tổ chức được mạng lưới nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Có trách nhiệm cao trong học hỏi, nghiên cứu và sáng tạo tri thức mới thuộc lĩnh vực kinh tế
	PLO3.2	Thích ứng với những thay đổi trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế
	PLO3.3	Tự chủ trong tổ chức và dẫn dắt người khác nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế
	PLO3.4	Độc lập trong việc đề xuất quan điểm, chính sách hoặc mô hình mới dựa trên tổng hợp lý thuyết và phân tích thực tiễn (thực nghiệm) thuộc lĩnh vực kinh tế
	PLO3.5	Có trách nhiệm cao trong việc thực hiện đúng quy định về liêm chính học thuật.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Tối thiểu 98 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

4.1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ là 04 năm (48 tháng). Nghiên cứu sinh dự tuyển từ bậc thạc sĩ có thể đăng ký thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo được xác định tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của từng nghiên cứu sinh.

4.2. Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu nộp hồ sơ luận án để gửi phản biện độc lập trong thời gian đào tạo quy định tại mục 4.1.

4.3. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng) nếu hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định.

4.4. Nghiên cứu sinh có thể gia hạn thời gian đào tạo khi không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn. Thời gian gia hạn tối đa 2 năm (24 tháng) đối với nghiên cứu sinh có thời gian đào tạo 4 năm, hoặc tối đa 3 năm (36 tháng) đối với nghiên cứu sinh có thời gian đào tạo 3 năm.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Người dự tuyển trình độ tiến sĩ cần đảm bảo các điều kiện sau:

5.1. Có bằng thạc sĩ thuộc khối kinh tế, kinh doanh và quản lý, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; hoặc có bằng thạc sĩ một số ngành khoa học khác được xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên (có điểm trung bình học tập từ 7,0 trở lên trên thang điểm 10 hoặc tương đương).

5.2. Có trình độ ngoại ngữ cụ thể như sau:

a. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh.

b. Bằng thạc sĩ ngành ngôn ngữ Anh của Đại học Hà Nội hoặc một trường đại học ngoại ngữ trực thuộc đại học quốc gia hoặc đại học vùng.

c. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 70 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên, được cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 46 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS từ 5.5 trở lên, được cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Trong trường hợp này, người dự tuyển cần bổ sung chứng chỉ TOEFL iBT từ 70 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên trong vòng 6 tháng sau khi được tuyển vào chương trình.

5.3. Có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu, cụ thể như sau:

- Là tác giả của 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu, đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu bằng tiếng Anh (khoảng 3.000 từ).

6. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Phương thức tuyển sinh là xét tuyển. Tiểu ban chuyên môn đánh giá người dự tuyển theo thang điểm 100, bao gồm hồ sơ dự tuyển (60 điểm) và trình bày dự thảo đề cương nghiên cứu (40 điểm). Người dự tuyển được xếp loại đạt nếu phần hồ sơ đạt từ 30 điểm trở lên và phần trình bày đạt từ 20 điểm trở lên.

6.1. Đánh giá hồ sơ dự tuyển, bao gồm các nội dung:

- Điểm đánh giá văn bằng và kết quả đào tạo dựa trên mức độ uy tín của cơ sở đào tạo, điểm trung bình học tập, điểm luận văn thạc sĩ (nếu có);
- Điểm đánh giá trình độ ngoại ngữ dựa trên văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ của người dự tuyển;
- Điểm đánh giá dựa trên uy tín khoa học, sự gần gũi về chuyên môn của người giới thiệu đối với người dự tuyển và ý kiến nhận xét và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu;
- Điểm đánh giá bài báo khoa học dựa trên mức độ uy tín của tạp chí đăng bài, sự phù hợp với hướng và chuyên ngành đăng ký của người dự tuyển và chất lượng bài viết;
- Điểm đánh giá chất lượng dự thảo đề cương nghiên cứu dựa trên sự thuyết phục về lý do lựa chọn đề tài, mức độ sâu sắc và bao quát của phần tổng quan các nghiên cứu có liên quan, tính khoa học thể hiện trong việc xác định mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, văn phong trình bày.
- Đánh giá khả năng hoàn thành nghiên cứu dựa trên tính khả thi của dự thảo đề cương và kế hoạch nghiên cứu.

6.2. Đánh giá phần trình bày dự thảo đề cương nghiên cứu

Người dự tuyển trình bày về dự thảo đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển. Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá người dự tuyển về các mặt:

- Kiến thức: Sự am hiểu của người dự tuyển về vấn đề dự định nghiên cứu, về bản chất và yêu cầu của hoạt động nghiên cứu.
- Tư chất và thái độ cần có của một nghiên cứu sinh: bao gồm khả năng tư duy phân tích tổng hợp, thái độ nghiêm túc, tự tin và quyết tâm cao, có tính sáng tạo, trung thực, kỷ luật...

7. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

7.1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ: Áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo thang điểm 10 và xếp loại điểm chữ.

7.2. Các câu phần còn lại của chương trình đào tạo: Đánh giá theo mức Đạt và Không đạt.

8. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Cấu trúc chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

STT	Mã	Nội dung	Tín chỉ	Ghi chú	Năm học
1		Các học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ		Tùy thuộc khối kiến thức người học đã tích lũy	1+2
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ		16		
2.1	HP1	Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học và viết luận án	4	Học phần bắt buộc	1
2.2	HP2	Lý thuyết đương đại trong nghiên cứu kinh tế	3	Học phần bắt buộc	1
2.3	HP3	Kinh tế lượng nâng cao	3	Học phần bắt buộc	1
2.4	HP4	Lý thuyết đương đại trong nghiên cứu Kinh doanh	3	Học phần tự chọn	1+2
2.5	HP5.1	Thống kê nâng cao	3	Học phần tự chọn	1+2
	HP5.2	Nghiên cứu định tính	3	Học phần tự chọn	1+2
	HP5.3	Thiết kế nghiên cứu và xây dựng thang đo	3	Học phần tự chọn	1+2
3	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ		82		
3.1	NC1	Đề xuất nghiên cứu	3	Là điều kiện tiên quyết của NC2, NC3, NC4	1
3.2	NC2	Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	3	Bắt buộc	1+2
3.3	NC3	Hai chuyên đề tiến sĩ	6	Bắt buộc	2+3
3.4	NC4	Báo cáo kết quả nghiên cứu	3	Bắt buộc	2+3
3.5	NC5	Sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn	8	Bắt buộc	1+2+3+4
3.6	NC6	Seminar khoa học	3	Bắt buộc	1+2+3+4
3.7	NC7	Công bố kết quả nghiên cứu	6	Bắt buộc	2+3+4
3.8	NC8	Luận án và bảo vệ luận án tiến sĩ	50	Bắt buộc	2+3+4
		Tổng tín chỉ (không tính phần 1)	98		

Ghi chú: Phần 2 và 3 là các thành phần bắt buộc của chương trình đào tạo.

9. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC CẤU PHẦN BẮT BUỘC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Bảng 2. Ma trận liên kết các cấu phần bắt buộc của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

PLO	Mã PLO	Mô tả	HP1	HP2	HP3	HP4	HP5.1-5.3	NC1	NC2	NC3	NC4	NC5	NC6	NC7	NC8
Kiến thức	PLO1.1	Có kiến thức chuyên sâu, cập nhật để phân tích được một cách hệ thống các lý thuyết nền tảng và các trường phái nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế		4		4		4	4	4	4	4	4	4	4
	PLO1.2	Có kiến thức cốt lõi, nền tảng để đánh giá được các nghiên cứu đương đại trong lĩnh vực kinh tế và tìm ra khoảng trống nghiên cứu.		5		5		5	5	5	5	5	5	5	5
	PLO1.3	Có kiến thức để đánh giá được các phương pháp nghiên cứu khoa học và hệ thống các công cụ, kỹ thuật nghiên cứu đặc trưng của ngành kinh tế.	5		5		5	5	5	5	5	5	4	5	5
	PLO1.4	Có kiến thức để tổ chức được hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế	5		5		5	4	4	4	4	4	4	4	4
Kỹ năng	PLO2.1	Có kỹ năng để xây dựng được khung (mô hình) nghiên cứu, mang lại đóng góp mới về lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế	5					5	5	5	5	5	5	5	5
	PLO2.2	Có kỹ năng để tổ chức thu thập, khai thác được các nguồn tài liệu học thuật và dữ liệu phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế	5					5	5	5	5	5	5	5	5
	PLO2.3	Có kỹ năng để đánh giá được các nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế	5	5		5		5	5	5	5	5	5	5	5

PLO	Mã PLO	Mô tả	HP1	HP2	HP3	HP4	HP5.1-5.3	NC1	NC2	NC3	NC4	NC5	NC6	NC7	NC8
	PLO2.4	Có kỹ năng để phân tích được dữ liệu bằng các công cụ, phương pháp khoa học và giải thích được kết quả nghiên cứu			5		5			5	5	5	5	5	5
	PLO2.5	Có kỹ năng để trình bày và công bố được kết quả nghiên cứu trên tạp chí thuộc danh mục WoS/scopus trong lĩnh vực kinh tế	5		5		5	5		5	5	5	5	5	5
	PLO2.6	Có kỹ năng để tổ chức được mạng lưới nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế									4		4	4	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Có trách nhiệm cao trong học hỏi, nghiên cứu và sáng tạo tri thức mới thuộc lĩnh vực kinh tế		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	PLO3.2	Thích ứng với những thay đổi trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế						4	4	4	4	4	4	4	4
	PLO3.3	Tự chủ trong tổ chức và dẫn dắt người khác nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế						4	4	4	4	4	4	4	4
	PLO3.4	Độc lập trong việc đề xuất quan điểm, chính sách hoặc mô hình mới dựa trên tổng hợp lý thuyết và phân tích thực tiễn (thực nghiệm) thuộc lĩnh vực kinh tế		5		5				5				5	5
	PLO3.5	Có trách nhiệm cao trong việc thực hiện đúng quy định về liêm chính học thuật.	5		5		5	5	5	5	5	5	5	5	5

Ghi chú: Mã các học phần và thành phần: Xem chi tiết tại mục 8 và mục 10. Điểm trong ma trận là kỳ vọng mức độ đạt được (sử dụng thang đo MIT).

10. MÔ TẢ CÁC CẤU PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Stt	Cấu phần	Mô tả về cấu phần của chương trình đào tạo
1.	Các học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ	Các học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để học tập, nghiên cứu các học phần ở trình độ tiến sĩ và thực hiện đề tài nghiên cứu. Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ đại học và thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn và Ban Chuyên môn xác định các học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ cho nghiên cứu sinh, đảm bảo quy định hiện hành về đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHKQTĐ.
2.	Học phần 1	Học phần 1 - Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học và viết luận án có thời lượng 4 tín chỉ, thực hiện ngay sau khi nghiên cứu sinh (NCS) bắt đầu khóa học (đầu năm thứ nhất). Học phần được thiết kế gồm hai chuyên đề: Chuyên đề 1: Quy trình và phương pháp nghiên cứu khoa học (3 tín chỉ) cung cấp cho NCS những kiến thức nền tảng và hệ thống về mục tiêu, bản chất, các cách tiếp cận nghiên cứu khoa học và toàn bộ quy trình nghiên cứu (từ hình thành ý tưởng nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, triển khai thực hiện, thu thập dữ liệu, phân tích và công bố kết quả). Chuyên đề 2: Kỹ năng viết trong nghiên cứu khoa học (1 tín chỉ) cung cấp các nguyên tắc và yêu cầu trong viết báo cáo khoa học (như luận án tiến sĩ và bài báo khoa học), kỹ năng viết các phần trong một báo cáo nghiên cứu, cũng như các kinh nghiệm về viết và đăng tải công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín. Bên cạnh giờ giảng trên lớp, các buổi trợ giảng được cung cấp cho NCS nhằm hỗ trợ thực hành kỹ năng viết hàn lâm, phục vụ cho xuất bản công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế. Học phần được đánh giá bằng 02 bài tập nhóm của Chuyên đề 1 và 01 bài thu hoạch của Chuyên đề 2.
3.	Học phần 2	Học phần “Lý thuyết đương đại trong nghiên cứu kinh tế” có thời lượng 3 tín chỉ, bắt buộc trong chương trình tiến sĩ kinh tế bằng Tiếng Anh. Học phần giới thiệu các lý thuyết kinh tế đương đại thường được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế. Các bài giảng tập trung vào các nội dung cơ bản của lý thuyết, phê phán, hướng mở rộng và ứng dụng thực nghiệm trong nghiên cứu. NCS có môi trường học thuật để xem xét và thảo luận về các bài báo học thuật áp dụng nhiều lý thuyết khác nhau trong lĩnh vực kinh tế. Hoàn thành khóa học này, NCS vận dụng lý thuyết cho việc đánh giá và sáng tạo trong nghiên cứu cụ thể hoặc định hướng nghiên cứu trong kinh tế và các lĩnh vực liên quan.
4.	Học phần 3	Học phần “Kinh tế lượng nâng cao” có thời lượng 3 tín chỉ, bắt buộc trong chương trình tiến sĩ kinh tế bằng Tiếng Anh. Khóa học này có mục tiêu cung cấp cho NCS những kiến thức và công cụ kinh tế lượng ở trình độ nâng cao để NCS có thể thực hiện các nghiên cứu thực nghiệm/định lượng trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Khóa học được thiết kế và cung cấp dưới hình thức vận dụng, hướng đến phát triển các kỹ năng phân tích định lượng cho NCS. Trong mỗi buổi học, NCS được tiếp cận các khái niệm và mô hình cơ bản, sau đó NCS được khuyến khích vận dụng các khái niệm và mô hình này trong việc giải quyết các vấn đề liên quan

Stt	Cấu phần	Mô tả về cấu phần của chương trình đào tạo
		đến lĩnh vực nghiên cứu của từng NCS. Để hỗ trợ phát triển các kỹ năng phân tích định lượng ở trình độ tiến sĩ, một số bộ số liệu thứ cấp từ các bài báo và nghiên cứu học thuật được sử dụng cho các hoạt động thực hành trên lớp. Bên cạnh giờ giảng trên lớp, các buổi trợ giảng được cung cấp cho NCS. Trong các buổi học này, NCS có thêm thời gian và cơ hội để củng cố những kiến thức và kỹ năng đã học ở giờ giảng chính thức trên lớp. Các hoạt động thực hành được thực hiện với phần mềm kinh tế lượng STATA.
5.	Học phần 4	Học phần “Lý thuyết đương đại trong nghiên cứu kinh doanh” có thời lượng 3 tín chỉ, tự chọn trong chương trình tiến sĩ kinh tế bằng Tiếng Anh. Học phần trang bị cho NCS những kiến thức và kỹ năng cụ thể trong việc phát triển các hướng nghiên cứu về tổ chức. Học phần cung cấp cho NCS những lý thuyết về tổ chức và quản trị kinh doanh. NCS được học tập, phản biện các công trình nghiên cứu về tổ chức, áp dụng các trường phái lý thuyết khác nhau và đề cập tới các chủ đề khác nhau. NCS sẽ lựa chọn và phát triển hướng nghiên cứu cho riêng mình.
6.	Học phần 5.1	Học phần “Thống kê nâng cao” có thời lượng 3 tín chỉ, tự chọn trong chương trình tiến sĩ kinh tế bằng Tiếng Anh. Học phần được thiết kế nhằm giúp nghiên cứu sinh có được các kiến thức và kỹ năng áp dụng các kỹ thuật thống kê như hồi quy và phương trình mô hình cấu trúc để trả lời các câu hỏi nghiên cứu trong các bài báo hàn lâm. Hồi quy là kỹ thuật được sử dụng phổ biến và rất hữu ích, đã được sử dụng từ rất lâu trong nghiên cứu quản trị kinh doanh. Các kiến thức và kỹ năng về hồi quy sẽ là nền tảng giúp NCS nghiên cứu các kỹ thuật thống kê nâng cao khác. Trong khi đó, các kỹ thuật mới hiện nay đang ngày càng được sử dụng phổ biến như phương trình mô hình cấu trúc cũng sẽ được đào tạo để áp dụng cho các bài báo khoa học hàn lâm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và quản lý.
7.	Học phần 5.2	Học phần “Nghiên cứu định tính” có thời lượng 3 tín chỉ, tự chọn trong chương trình tiến sĩ kinh tế bằng Tiếng Anh. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho NCS những kiến thức nền tảng về bản chất, vai trò và đặc điểm của cách tiếp cận nghiên cứu định tính. Học phần cũng giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu định tính thường được sử dụng trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý và QTKD và cách thiết kế những phương pháp này, cũng như thực hành việc thu thập và phân tích dữ liệu định tính.
8.	Học phần 5.3	Học phần “Thiết kế nghiên cứu và xây dựng thang đo” có thời lượng 3 tín chỉ, tự chọn trong chương trình tiến sĩ kinh tế bằng Tiếng Anh. Học phần này được thiết kế để giúp NCS nắm vững và thực hành các công việc liên quan đến triển khai thu thập dữ liệu phục vụ kiểm định các giả thuyết nghiên cứu bằng phương pháp định lượng, đảm bảo tính khoa học và khả thi đối với một đề tài nghiên cứu hàn lâm bậc tiến sĩ. NCS sẽ được trang bị kiến thức và thực hành các kỹ năng phát triển mô hình nghiên cứu, triển khai (thao tác) các biến nghiên cứu, xác định các loại và nguồn dữ liệu, thiết kế và kiểm định công cụ đo lường (scale), xây dựng bảng hỏi, các phương án chọn mẫu, thực hiện thu thập dữ liệu, kiểm tra và đánh giá chất lượng dữ liệu.

Stt	Cấu phần	Mô tả về cấu phần của chương trình đào tạo
9.	Đề xuất nghiên cứu	Đề xuất nghiên cứu là thành phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, có thời lượng 3 tín chỉ, thực hiện trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng đầu của chương trình đào tạo. Dưới sự hướng dẫn của NHD, NCS hoàn thành bản đề xuất nghiên cứu. Sau khi được NHD thông qua, bản đề xuất nghiên cứu này phải được đánh giá, góp ý bởi hai nhà khoa học độc lập. Bản nhận xét của hai nhà khoa học độc lập là một trong những cơ sở để Ban Chuyên môn đưa ra đánh giá cuối cùng về mức độ đạt yêu cầu của bản đề xuất nghiên cứu. Bản đề xuất nghiên cứu phải đáp ứng các tiêu chuẩn về nội dung và hình thức theo quy định của ĐHKQTĐ, thể hiện khái quát về đề tài luận án tiến sĩ mà NCS muốn thực hiện, thể hiện sự hiểu biết của NCS về chủ đề nghiên cứu đang theo đuổi, cách thức tiến hành nghiên cứu và kết quả nghiên cứu dự kiến. Thông qua bản đề xuất nghiên cứu, NCS có thể xác định đề tài để phát triển thành luận án tiến sĩ và chứng minh được đề tài mình lựa chọn là có tính khả thi, phù hợp với trình độ tiến sĩ và có thể mang lại đóng góp mới về mặt lý thuyết và/hoặc thực tiễn trong lĩnh vực Kinh tế học.
10.	Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	Tiểu luận Tổng quan nghiên cứu là thành phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, có thời lượng 3 tín chỉ, thực hiện trong thời gian 18 tháng đầu của chương trình đào tạo (sau khi NCS hoàn thành bản đề xuất nghiên cứu). Tiểu luận Tổng quan nghiên cứu yêu cầu NCS thể hiện khả năng tổng hợp phân tích, so sánh, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế có liên quan đến đề tài luận án (như bài báo trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học, sách chuyên khảo, các đề tài nghiên cứu khoa học được công bố trong và ngoài nước có liên quan tới chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Kinh tế học, từ đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu. Tổng quan nghiên cứu cũng thể hiện được việc NCS có căn cứ để lựa chọn mô hình nghiên cứu hoặc lựa chọn được cách tiếp cận nghiên cứu vấn đề một cách khoa học. Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan nghiên cứu được thực hiện bởi NHD chính (hoặc NHD độc lập) của NCS và một nhà khoa học do Ban Chuyên môn lựa chọn.
11.	Hai chuyên đề tiến sĩ	Hai chuyên đề tiến sĩ là một thành phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, có tổng thời lượng 6 tín chỉ (mỗi chuyên đề 3 tín chỉ), thực hiện trong thời gian 24 tháng đầu của chương trình đào tạo tiến sĩ, sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành bản đề xuất nghiên cứu. Nội dung của các chuyên đề tiến sĩ không được trùng lặp với nhau và phải phản ánh được một nội dung nghiên cứu hoàn chỉnh liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu của luận án và phù hợp với lĩnh vực Kinh tế học. Mỗi chuyên đề tiến sĩ phải có tiềm năng để phát triển thành một công trình khoa học có thể công bố trên các tạp chí hoặc hội thảo khoa học trong lĩnh vực Kinh tế. Thông qua việc nghiên cứu và hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ, NCS nâng cao được năng lực nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án tiến sĩ, cải thiện kỹ năng viết, đồng thời giải quyết được một số nội dung của đề tài luận án tiến sĩ từ quan điểm của một chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế. Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ của mỗi nghiên cứu sinh được thực hiện bởi một tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ gồm 3 thành viên, được đề xuất bởi Viện Phát triển bền vững theo quy định của ĐHKQTĐ.

Stt	Cấu phần	Mô tả về cấu phần của chương trình đào tạo
12.	Báo cáo kết quả nghiên cứu	Báo cáo kết quả nghiên cứu cấp đại học có thời lượng 3 tín chỉ, được thực hiện tối thiểu một lần đối với một nghiên cứu sinh từ năm thứ hai (sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành bản đề xuất nghiên cứu và tiểu luận tổng quan, có thể báo cáo sau hoặc song song cùng các chuyên đề tiến sĩ). Bản báo cáo kết quả nghiên cứu giới thiệu chung về đề tài nghiên cứu mà NCS đang thực hiện (lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, phạm vi và đối tượng nghiên cứu, cơ sở lý thuyết chính, tóm tắt phương pháp nghiên cứu, kết quả đạt được) và tập hợp toàn bộ kết quả nghiên cứu từ trước đến nay, bao gồm cả những phần còn dang dở. Bản báo cáo được đánh giá, góp ý bởi hai nhà khoa học độc lập trong lĩnh vực nghiên cứu. Việc báo cáo kết quả nghiên cứu giúp nghiên cứu sinh tăng cơ hội tiếp thu ý kiến đóng góp, phản biện của các chuyên gia và các nghiên cứu sinh khác trong lĩnh vực nghiên cứu; góp phần tìm hướng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình nghiên cứu; tăng cường môi trường sinh hoạt khoa học, đảm bảo tiến độ nghiên cứu và hoàn thành luận án.
13.	Sinh hoạt khoa học (SHKH) tại đơn vị chuyên môn	Hoạt động SHKH tại đơn vị chuyên môn là một thành phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, có thời lượng 8 tín chỉ, thực hiện xuyên suốt và liên tục trong toàn bộ quá trình đào tạo. Các hoạt động này nhằm bảo đảm duy trì môi trường trao đổi học thuật, giúp NCS học hỏi, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu với các nhà khoa học và NCS khác. Hoạt động nghiên cứu khoa học của NCS tại đơn vị chuyên môn có thể dưới các hình thức sinh hoạt khoa học: trình bày kết quả nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy/trợ giảng cùng các giảng viên trong Ban Chuyên môn và ĐHKQTĐ. Mỗi NCS phải định kỳ trình bày kết quả nghiên cứu trước Ban chuyên môn theo quy định của ĐHKQTĐ. Việc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn là trách nhiệm của nghiên cứu sinh và là một trong những điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tiến sĩ.
14.	Seminar khoa học	Seminar khoa học là một thành phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, có thời lượng 3 tín chỉ, thực hiện liên tục trong toàn bộ quá trình đào tạo. Hoạt động này nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật liên ngành. Việc tham dự seminar khoa học giúp nghiên cứu sinh nhận được các kiến thức chuyên môn, đồng thời có thể học hỏi, trao đổi về cách viết, cách trình bày, cách thức xây dựng mô hình nghiên cứu, xây dựng thang đo, và những kinh nghiệm xử lý dữ liệu và phân tích kết quả nghiên cứu... với các nhà khoa học được Ban chuyên môn mời trình bày về sản phẩm học thuật đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín. Mỗi nghiên cứu sinh tham gia các seminar và phải trình bày tại Hội thảo Chương trình Tiến sĩ bằng Tiếng Anh hàng năm (YES) được tổ chức trong thời gian đào tạo chính thức.
15.	Công bố kết quả nghiên cứu	Việc công bố các bài báo khoa học được tính thời lượng 6 tín chỉ, thực hiện từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 của chương trình đào tạo. Nghiên cứu sinh Chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh phải là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus. Ngoài ra, nghiên cứu sinh Chương trình này có thể là tác giả chính của chương sách tham khảo do các nhà

Stt	Cấu phần	Mô tả về cấu phần của chương trình đào tạo
		xuất bản quốc tế có uy tín phát hành hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước bằng tiếng Anh được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên. Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), và phải có đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Công bố kết quả nghiên cứu khẳng định những đóng góp của đề tài luận án cho ngành khoa học liên quan, giúp cho công trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh được nhận diện ở bình diện quốc gia hoặc quốc tế, lan tỏa kết quả nghiên cứu đến với nhiều người. Bài báo là chứng nhận năng lực nghiên cứu và khả năng xuất bản của của nghiên cứu sinh, đặc biệt là khi được công bố trên một tạp chí uy tín quốc tế. Thông qua bài báo khoa học được công bố, nghiên cứu sinh tham gia vào cộng đồng các nhà khoa học, được nhiều người biết đến và từ đó có thể mở ra những cơ hội hợp tác nghiên cứu mới. Bài báo khoa học được đánh giá và hoàn thiện qua cơ chế phản biện của các tạp chí, cũng được đánh giá bởi các phản biện trong hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp.
16.	Luận án tiến sĩ và bảo vệ luận án tiến sĩ	Luận án tiến sĩ (sau đây gọi chung là luận án) là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo các quy định về nội dung và hình thức của ĐHKQTĐ, tuân thủ Quy định về sự trung thực trong học thuật của ĐHKQTĐ, tuân thủ những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật, minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ. Quá trình nghiên cứu và bảo vệ luận án được tính thời lượng 50 tín chỉ, thực hiện từ năm thứ hai của chương trình đào tạo. Luận án được đánh giá theo quy trình ba bước: (1) Đánh giá luận án cấp cơ sở: Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ trước hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 5 thành viên. (2) Phản biện độc lập luận án: Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học ngoài ĐHKQTĐ. (3) Đánh giá luận án cấp đại học: Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ trước hội đồng đánh giá luận án cấp đại học gồm 6 thành viên. Thông qua quá trình nghiên cứu và bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải chứng minh được bản thân có đủ các phẩm chất của nhà khoa học có học vị tiến sĩ, tích lũy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có khả năng phát triển và phổ biến tri thức vào thực tiễn hoạt động kinh tế - xã hội và phân tích chính sách với các nghiên cứu phù hợp, chất lượng, và đủ tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành và hội thảo khoa học hàng đầu ở trong nước và quốc tế.

11. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nghiên cứu sinh cần hoàn thành đầy đủ các học phần, đề xuất nghiên cứu, tiểu luận tổng quan, hai chuyên đề tiến sĩ, báo cáo kết quả nghiên cứu, tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn, tham gia seminars khoa học cấp đại học, công bố kết quả nghiên cứu, và hoàn thành luận án tiến sĩ theo quy định của chương trình đào tạo.
- Được công nhận học vị tiến sĩ sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ qua ba cấp: bảo vệ luận án cấp cơ sở, phản biện độc lập và bảo vệ luận án cấp đại học.

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Thời gian áp dụng: Áp dụng từ khóa đào tạo trình độ tiến sĩ tuyển sinh năm 2025.
- Các quy định về tổ chức học tập 03 học phần bắt buộc từ HP1 đến HP3, 02 học phần tự chọn là HP4-HP5.i thực hiện theo Đề án đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh; yêu cầu về nội dung, hình thức và tổ chức thực hiện các thành phần nghiên cứu khoa học từ NC1 đến NC8 tuân thủ theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nội dung cần đạt, phương pháp giảng dạy, phân bố thời lượng, và đánh giá của từng học phần, thành phần được mô tả trong đề cương chi tiết.

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

PGS.TS Lê Quang Cảnh

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

PGS.TS Vũ Thành Hưởng

**TRƯỞNG BAN CHUYÊN MÔN
CTĐT TIẾN SĨ BẰNG TIẾNG ANH**

GIÁM ĐỐC

GS.TS Phạm Hồng Chương